

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

PHẦN 1: NHẬN DIỆN CHẤT HOẶC HỖN HỢP VÀ CÔNG TY**1.1 Nhận diện sản phẩm****Tên sản phẩm:** OXY**Tên hóa học:** OXY**Công thức hóa học:** O₂**CAS số:** 7782-44-7**1.2 Các mục đích sử dụng phù hợp và những mục đích không khuyến nghị**

- Các mục đích sử dụng được xác định:
- Công nghiệp
- Sử dụng trong y tế.
- Khí cân bằng cho hỗn hợp khí.
- Khí hiệu chuẩn.
- Khí mang.
- Tổng hợp hóa học.
- Quá trình đốt cháy, nấu chảy và cắt.
- Khí đóng gói thực phẩm.
- Sử dụng trong phòng thí nghiệm.
- Khí laser.
- Tác nhân oxy hóa.
- Khí quy trình.
- Khí bảo vệ trong hàn khí.
- Khí thử nghiệm.
- Sử dụng khí để sản xuất sản phẩm dược phẩm.

Lưu ý: Người sử dụng cuối cùng phải đảm bảo rằng sản phẩm được cung cấp phù hợp với mục đích sử dụng dự định.

1.3 Thông tin nhà cung cấp phiếu an toàn hóa chất**Tên nhà cung cấp:** Công ty TNHH khí công nghiệp Hạ Long**Trụ sở chính:** Cụm công nghiệp Hà Khánh, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**Địa điểm kinh doanh :**

- **Cơ sở 1:** Cụm công nghiệp Hà Khánh, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh



OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

- **Cơ sở 2:** Số 2 đường Quách Đình Bảo, cụm công nghiệp Phong Phú, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Số điện thoại: 0912190123

Website: www.halonggas.com.vn

1.4 Số điện thoại khẩn cấp

Số khẩn cấp: 0917331111 (24/7)

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

PHẦN 2: NHẬN DIỆN NGUY HẠI**2.1 Phân loại chất hoặc hỗn hợp****Phân loại theo Quy định (EC) Số 1272/2008 (CLP):****Khí oxy hóa (Oxidising gases) (Danh mục 1):****H270:** Có thể gây hoặc làm tăng cường cháy; chất oxy hóa.**Khí chịu áp lực (Compressed gas):****H280:** Chứa khí chịu áp lực; có thể nổ nếu bị đun nóng.**2.2 Thành phần nhãn****Từ cảnh báo: Nguy hiểm****Cảnh báo nguy cơ:****H270:** Có thể gây hoặc làm tăng cường cháy; chất oxy hóa.**H280:** Chứa khí chịu áp lực; có thể nổ nếu bị đun nóng.**Khuyến cáo phòng ngừa:****Phòng ngừa:****P220:** Tránh xa quần áo và các vật liệu dễ cháy.**P244:** Giữ sạch van và các phụ kiện, tránh dầu và mỡ.**Ứng phó:****P370+P376:** Trong trường hợp cháy: Ngừng rò rỉ nếu an toàn để làm như vậy.**Lưu trữ:****P403:** Lưu trữ tại nơi thông thoáng.**Khuyến cáo xử lý:**

Không áp dụng.

2.3 Các nguy cơ khác

Không có nguy cơ nào khác được xác định.

OXY

MSDS Số: HLG-OXY Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

PHẦN 3: THÀNH PHẦN VÀ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thuộc tính	Mô tả
Tên hóa học	Oxygen
Công thức hóa học	O ₂
CAS số	7782-44-7
EC số	231-956-9
INDEX số	008-001-00-8
Số đăng ký REACH	Được liệt kê trong Phụ lục IV/V của Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH), được miễn đăng ký.

Thành phần	CAS số	EC số	Độ tinh khiết
Oxygen	7782-44-7	231-956-9	≥ 99,9%

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng.

PHẦN 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu**Hít phải:**

- Đưa người bị phơi nhiễm ra nơi có không khí trong lành ngay lập tức.

Tiếp xúc với mắt:

- Không dự kiến xảy ra tác động bất lợi từ sản phẩm này.

Tiếp xúc với da:

- Không dự kiến xảy ra tác động bất lợi từ sản phẩm này.

Nuốt phải:

- Không được coi là con đường tiếp xúc tiềm tàng.

4.2 Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và trì hoãn

- Hít phải liên tục khí oxy với nồng độ cao hơn 75% có thể gây:
- Buồn nôn.

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

- Chóng mặt.
- Khó thở.
- Co giật.

4.3 Sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

- Không yêu cầu bất kỳ điều trị đặc biệt nào.
- Theo dõi tình trạng của người bị ảnh hưởng và gọi trợ giúp y tế nếu cần.

Ghi chú bổ sung:

- Oxy nồng độ cao có thể gây tác động đến hệ hô hấp và thần kinh trung ương nếu phơi nhiễm kéo dài. Hãy xử lý trong môi trường thông thoáng để giảm thiểu rủi ro.

PHẦN 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**5.1 Phương tiện chữa cháy**

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

- Nước.
- Bột khô.
- Bọt.
- Carbon dioxide.

5.2 Nguy cơ đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Hỗ trợ quá trình cháy: Oxy hỗ trợ quá trình cháy mạnh mẽ và có thể gây cháy/nổ khi tiếp xúc với:

- Các chất không tương thích.
- Axit mạnh.
- Chất khử.
- Chất dễ cháy và chất dễ bắt lửa.
- Tăng cường quá trình cháy: Các vật liệu có thể cháy trong không khí sẽ cháy mạnh hơn trong môi trường giàu oxy.

5.3 Lời khuyên cho lính cứu hỏa

- Quy trình chữa cháy đặc biệt:
- Trong trường hợp cháy, ngừng rò rỉ nếu an toàn để thực hiện.
- Tiếp tục phun nước từ vị trí được bảo vệ để làm mát bình chứa cho đến khi bình ổn định.
- Sử dụng phương tiện chữa cháy để kiểm soát đám cháy.

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

- Cách ly nguồn gây cháy hoặc để đám cháy tự tắt.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa:**Lính cứu hỏa phải sử dụng:**

- Áo khoác chống cháy.
- Mũ bảo hiểm có kính chắn mặt.
- Găng tay.
- Ủng cao su.
- Thiết bị thở độc lập (SCBA) để bảo vệ khỏi khí độc và nhiệt độ cao.

Ghi chú bổ sung:

- Oxy không dễ cháy nhưng làm tăng tốc độ cháy. Cần xử lý và chữa cháy trong điều kiện được kiểm soát cẩn thận để tránh nguy cơ cháy lan hoặc nổ

PHẦN 6: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ TRÀN ĐỔ**6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp****Phòng ngừa cá nhân:**

- Sơ tán mọi người khỏi khu vực bị ảnh hưởng.
- Trong trường hợp rò rỉ, loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa.
- Đảm bảo thông gió đầy đủ tại khu vực bị ảnh hưởng.
- Ngăn không cho khí tích tụ trong hệ thống thoát nước, tầng hầm, hoặc bất kỳ không gian kín nào có thể nguy hiểm.
- Theo dõi nồng độ của sản phẩm đã rò rỉ bằng thiết bị đo phù hợp.

6.2 Biện pháp phòng ngừa về môi trường

- Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn đổ thêm nếu an toàn để làm như vậy.

6.3 Phương pháp và vật liệu để kiểm soát và làm sạch

- Đảm bảo thông gió đầy đủ để giảm nồng độ khí trong khu vực bị ảnh hưởng.

6.4 Tham chiếu đến các phần khác**Xem thêm:**

- Mục 8: Thông tin về thiết bị bảo hộ cá nhân.
- Mục 13: Thông tin về xử lý chất thải.

Ghi chú

OXY

MSDS Số: HLG-OXY Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

- Oxy hỗ trợ cháy và có thể làm tăng nguy cơ cháy nếu tích tụ hoặc tiếp xúc với các chất dễ cháy. Đảm bảo xử lý rò rỉ nhanh chóng và an toàn để giảm thiểu rủi ro.

PHẦN 7: SỬ DỤNG VÀ LƯU TRỮ**7.1 Biện pháp phòng ngừa để sử dụng an toàn****Xử lý an toàn:**

- Chỉ những người có kinh nghiệm và được đào tạo đầy đủ mới được phép xử lý khí chịu áp lực.
- Sử dụng thiết bị phù hợp với sản phẩm, áp suất và nhiệt độ cung cấp.
- Giữ thiết bị sạch, không dính dầu và mỡ.
- Mở van từ từ để tránh sốc áp suất.
- Sử dụng chất bôi trơn và keo niêm phong được phê duyệt cho oxy.
- Chỉ sử dụng với thiết bị đã được làm sạch để sử dụng với oxy và chịu được áp suất định mức.
- Bảo vệ bình chứa khỏi hư hỏng vật lý; không kéo, lăn, trượt hoặc làm rơi.
- Sử dụng thiết bị thích hợp (xe đẩy, xe nâng) để di chuyển bình chứa, ngay cả trong khoảng cách ngắn.

Biện pháp an toàn khác:

- Đảm bảo thông gió đầy đủ tại khu vực sử dụng.
- Ngăn nước hoặc các chất khác (axit, kiềm) tràn ngược vào bình chứa.
- Tránh nhiệt độ cao hơn 50°C.
- Không sử dụng ngọn lửa trực tiếp hoặc thiết bị gia nhiệt điện để tăng áp suất trong bình.
- Bảo vệ và kiểm tra bình chứa:
- Không xóa hoặc làm hỏng nhãn nhận diện sản phẩm trên bình chứa.
- Đóng van bình sau mỗi lần sử dụng hoặc khi bình rỗng, ngay cả khi vẫn kết nối với thiết bị.
- Báo cáo ngay lập tức các van bị hư hỏng cho nhà cung cấp.
- Không cố gắng sửa chữa hoặc thay đổi van hoặc thiết bị an toàn của bình.

7.2 Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm mọi tương tác không tương thích**Lưu trữ bình chứa:**

- Không lưu trữ bình trong điều kiện có khả năng gây ăn mòn.
- Kiểm tra định kỳ các bình chứa để phát hiện hư hỏng hoặc rò rỉ.
- Đặt nắp bảo vệ van hoặc nắp chụp tại chỗ.
- Lưu trữ tại nơi tránh xa nguy cơ cháy và nguồn nhiệt.
- Tránh xa vật liệu dễ cháy và khí dễ cháy.

Vị trí lưu trữ:

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

- Tránh lưu trữ trên các bề mặt nhựa đường do nguy cơ cháy khi oxy bị rò rỉ.
- Phân tách khỏi các khí dễ cháy và vật liệu dễ cháy khác đang được lưu trữ.

7.3 Sử dụng cuối cùng cụ thể

- Không áp dụng.

Ghi chú:

- Oxy cần được xử lý và lưu trữ cẩn thận để ngăn ngừa nguy cơ cháy nổ và các sự cố an toàn. Tuân thủ đầy đủ các quy định quốc gia và quốc tế liên quan đến sử dụng và lưu trữ khí oxy.

PHẦN 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM, BẢO VỆ CÁ NHÂN**8.1 Tham số kiểm soát**

- Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp (OEL): Không có giới hạn phơi nhiễm được thiết lập cho sản phẩm này.
- Giới hạn sinh học: Không có giới hạn sinh học nào được thiết lập cho sản phẩm này.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp:**

- Xem xét sử dụng hệ thống giấy phép làm việc, đặc biệt cho các hoạt động bảo trì.
- Đảm bảo thông gió đầy đủ trong khu vực làm việc, bao gồm cả hút khí cục bộ.
- Tránh các môi trường giàu oxy (>23,5%), vì có thể tăng nguy cơ cháy.
- Sử dụng thiết bị phát hiện khí khi có khả năng rò rỉ khí oxy hóa.
- Kiểm tra hệ thống chịu áp lực thường xuyên để phát hiện rò rỉ.
- Ưu tiên sử dụng các kết nối kín lâu dài (ví dụ: ống hàn).
- Không ăn, uống, hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm.

Biện pháp bảo vệ cá nhân:**Bảo vệ mắt:**

- Đeo kính bảo hộ an toàn để bảo vệ mắt khỏi các rủi ro cơ học hoặc hóa học.

Bảo vệ tay:

- Đeo găng tay da để bảo vệ tay khi xử lý bình chứa hoặc thiết bị.
- Bảo vệ cơ thể:
- Đi ủng bảo hộ để bảo vệ chân.
- Bảo vệ hô hấp:
- Không yêu cầu trong điều kiện sử dụng bình thường.

Ghi chú bổ sung:



OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

- Đảm bảo tất cả các biện pháp bảo vệ phù hợp với quy trình làm việc và điều kiện môi trường.
- Sử dụng oxy cần đặc biệt chú ý để tránh tích tụ nồng độ cao gây cháy hoặc nổ.

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

PHẦN 9: TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC**9.1 Thông tin cơ bản về tính chất vật lý và hóa học**

Thuộc tính	Mô tả
Trạng thái vật lý	Khí
Dạng	Khí nén
Màu sắc	Không màu
Mùi	Không mùi
Ngưỡng mùi	Không có dữ liệu
pH	Không có dữ liệu
Nhiệt độ nóng chảy	-218.4 °C
Nhiệt độ sôi	-183 °C
Nhiệt độ thăng hoa	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tới hạn	-118.0 °C
Điểm chớp cháy	Không có dữ liệu
Tỷ lệ bay hơi	Không có dữ liệu
Tính dễ cháy (rắn, khí)	Sản phẩm này không dễ cháy
Giới hạn cháy nổ trên (%)	Không có dữ liệu
Giới hạn cháy nổ dưới (%)	Không có dữ liệu
Áp suất hơi	4,053 kPa (-124.1 °C)
Tỷ trọng hơi (so với không khí)	1.1 (0 °C)
Tỷ trọng tương đối	1.1 (0 °C, so với nước)
Độ tan trong nước	39 mg/l
Hệ số phân chia (n-octanol/nước)	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu
Độ nhớt động lực học	Không có dữ liệu
Tính chất nổ	Không có dữ liệu
Tính oxy hóa	Có tính oxy hóa

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

9.2 Thông tin khác

Thông tin bổ sung:

- Khí/vapor nặng hơn không khí.
- Có thể tích tụ trong không gian kín, đặc biệt tại các khu vực thấp hơn mặt đất.

Lưu ý

- Sản phẩm này không dễ cháy nhưng có tính oxy hóa mạnh, hỗ trợ quá trình cháy của các chất dễ cháy khác. Cần đảm bảo sử dụng trong khu vực thông thoáng để tránh tích tụ khí.

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

PHẦN 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG**10.1 Khả năng phản ứng**

- Không có nguy cơ phản ứng đặc biệt nào khác ngoài những tác động đã mô tả trong các mục dưới đây.

10.2 Tính ổn định hóa học

- Ổn định trong điều kiện sử dụng và lưu trữ thông thường.

10.3 Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm

- Oxy hóa mạnh:
- Oxy hóa mạnh các vật liệu hữu cơ.
- Có thể phản ứng dữ dội với các chất dễ cháy và chất khử.

10.4 Các điều kiện cần tránh

- Không có điều kiện cụ thể cần tránh trong điều kiện sử dụng thông thường.

10.5 Vật liệu không tương thích

- Tránh tiếp xúc với dầu và mỡ, đặc biệt trong các thiết bị chứa oxy.
- Lưu ý nguy cơ độc tính từ sự hiện diện của polymer có chứa clo hoặc flo trong các đường dẫn oxy áp suất cao (>30 bar) nếu xảy ra cháy.

Có thể phản ứng dữ dội với:

- Vật liệu dễ cháy.
- Chất khử.

10.6 Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

- Trong điều kiện lưu trữ và sử dụng bình thường, không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm nào được tạo ra.

Ghi chú

- Oxy không dễ cháy nhưng là chất oxy hóa mạnh, làm tăng nguy cơ cháy của các chất khác. Đảm bảo thiết bị sạch và không nhiễm dầu mỡ để giảm thiểu rủi ro.

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

PHẦN 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH**11.1 Thông tin về các tác động độc hại**

Đặc tính	Mô tả
Độc tính cấp tính:	
<ul style="list-style-type: none"> Qua đường uống: 	Dựa trên dữ liệu sẵn có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
<ul style="list-style-type: none"> Qua đường hô hấp: 	Dựa trên dữ liệu sẵn có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
<ul style="list-style-type: none"> Qua da: 	Dựa trên dữ liệu sẵn có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Ăn mòn/Kích ứng da:	Dựa trên dữ liệu sẵn có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Tổn thương nghiêm trọng/Kích ứng mắt:	Dựa trên dữ liệu sẵn có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc da:	Dựa trên dữ liệu sẵn có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Đột biến tế bào mầm:	Dựa trên dữ liệu sẵn có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Khả năng gây ung thư:	Dựa trên dữ liệu sẵn có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Độc tính đến khả năng sinh sản:	Dựa trên dữ liệu sẵn có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Độc tính đến cơ quan đích cụ thể:	
<ul style="list-style-type: none"> Phơi nhiễm một lần: 	Dựa trên dữ liệu sẵn có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
<ul style="list-style-type: none"> Phơi nhiễm lặp lại: 	Dựa trên dữ liệu sẵn có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Nguy cơ khi hít phải:	Không áp dụng đối với khí và hỗn hợp khí.

Kết luận:

- Oxy không gây độc tính cấp tính, ăn mòn, kích ứng hoặc các ảnh hưởng mãn tính khác khi sử dụng trong điều kiện thông thường.
- Oxy có thể gây tác động khi ở nồng độ cao, làm tăng nguy cơ cháy hoặc thiếu oxy trong môi trường kín.
- Không có nguy cơ gây đột biến gen, ung thư hoặc ảnh hưởng đến khả năng sinh sản.

OXY

MSDS Số: HLG-OXY Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

- Cần xử lý khí oxy một cách an toàn để giảm thiểu rủi ro.

PHẦN 12: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH**12.1 Độc tính**

- Sản phẩm không gây thiệt hại sinh thái.

12.2 Tính bền vững và khả năng phân hủy

- Không áp dụng.

12.3 Khả năng tích lũy sinh học

- Chất này xuất hiện tự nhiên, không có khả năng tích lũy sinh học.

12.4 Tính di động trong đất

- Do tính dễ bay hơi cao, sản phẩm ít có khả năng gây ô nhiễm đất hoặc nước.

12.5 Các tác động bất lợi khác

- Sản phẩm không gây thiệt hại sinh thái.

Kết luận

- Oxy không có tác động tiêu cực đến môi trường khi được sử dụng đúng cách. Tuy nhiên, cần xử lý cẩn thận để ngăn ngừa nguy cơ rò rỉ không mong muốn trong các không gian kín hoặc môi trường không thông thoáng..

PHẦN 13: CÂN NHẮC VỀ VIỆC XỬ LÝ**13.1 Phương pháp xử lý chất thải****Phương pháp xử lý:**

- Không được xả khí vào bất kỳ nơi nào có thể dẫn đến tích tụ nguy hiểm, đặc biệt là không gian kín hoặc kém thông gió.
- Các bình chứa nên được trả lại cho nhà cung cấp để xử lý nội dung bên trong một cách an toàn.

Ghi chú



- Việc xử lý khí oxy và bình chứa phải tuân thủ các quy định địa phương, quốc gia, và quốc tế liên quan đến chất thải nguy hiểm và an toàn môi trường.
- Không tự ý tháo gỡ hoặc hủy bỏ bình chứa. Nếu cần thiết, liên hệ với nhà cung cấp hoặc đơn vị xử lý chất thải có thẩm quyền.

OXY

MSDS Số: HLG-OXY Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

PHẦN 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên gọi và mô tả	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Nhóm bao bì	Nhãn vận chuyển	Số hiệu nguy hiểm
<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam:</p> <p>Nghị định số 34/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa</p>	1072	OXY, DẠNG NÉN	2, 2.1	Không áp dụng	 	25

ADR/RID (Vận chuyển đường bộ và đường sắt)**14.1 Số UN:** UN 1072**14.2 Tên vận chuyển thích hợp:** OXYGEN, COMPRESSED**14.3 Lớp nguy hiểm vận chuyển:**

- **Lớp: 2**

Nhãn:

- 2.2: Khí không cháy, không độc hại.
- 5.1: Chất oxy hóa.

Mã phân loại: 10**Số nguy hiểm:** 25**14.4 Nhóm bao bì:** Không áp dụng.**14.5 Nguy cơ môi trường:** Không áp dụng.**14.6 Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng:** Không có.**IMDG (Vận chuyển đường biển)****14.1 Số UN:** UN 1072**14.2 Tên vận chuyển thích hợp:** OXYGEN, COMPRESSED**14.3 Lớp nguy hiểm vận chuyển:**

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

- **Lớp: 2.2**

Nhãn:

- **2.2:** Khí không cháy, không độc hại.
- **5.1:** Chất oxy hóa.

14.4 Nhóm bao bì: Không áp dụng.**14.5 Nguy cơ môi trường:** Không áp dụng.**14.6 Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng:** Không có.**IATA (Vận chuyển bằng đường hàng không)****14.1 Số UN:** UN 1072**14.2 Tên vận chuyển thích hợp:** OXYGEN, COMPRESSED**14.3 Lớp nguy hiểm vận chuyển:**

- **Lớp: 2.2**

Nhãn:

- **2.2:** Khí không cháy, không độc hại.
- **5.1:** Chất oxy hóa.

14.4 Nhóm bao bì: Không áp dụng.**14.5 Nguy cơ môi trường:** Không áp dụng.**14.6 Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng:** Không có.**Thông tin khác**

- Hành khách và máy bay chở hàng: Được phép vận chuyển.
- Chỉ máy bay chở hàng: Được phép vận chuyển.

14.7 Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL và Bộ luật IBC

- Không áp dụng.

14.8 Thông tin bổ sung**Biện pháp phòng ngừa khi vận chuyển:**

- Tránh vận chuyển trên phương tiện mà khoang chở hàng không được tách biệt khỏi khoang lái.



OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

- Đảm bảo tài xế phương tiện hiểu rõ các nguy cơ của hàng hóa và cách xử lý trong trường hợp tai nạn hoặc khẩn cấp.

Trước khi vận chuyển:

- Đảm bảo các bình chứa được cố định chắc chắn.
- Van bình được đóng chặt và không bị rò rỉ.
- Nắp bảo vệ van hoặc nắp chụp được lắp đầy đủ.
- Đảm bảo thông gió tốt trong khu vực vận chuyển.

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

PHẦN 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH**15.1 Quy định/pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất hoặc hỗn hợp Pháp luật địa phương áp dụng:****Quy định về an toàn hóa chất:**

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất

Quy định liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm:

- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa

Quy định về bảo vệ môi trường:

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động: Được thể hiện trong pháp luật chuyên ngành của Việt Nam

Ghi chú:

- Đảm bảo rằng tất cả các quy định địa phương được tuân thủ khi xử lý và sử dụng sản phẩm này.
- Kiểm tra kỹ các yêu cầu cụ thể tại khu vực nơi sản phẩm được sử dụng hoặc vận chuyển để đảm bảo tuân thủ pháp luật.

OXY

MSDS Số: HLG-OXY

Ngày lập phiếu: 01/04/2024

Phiên bản: 03

PHẦN 16: THÔNG TIN KHÁC**Thông tin bổ sung**

Trước khi sử dụng sản phẩm này trong bất kỳ quy trình hoặc thí nghiệm mới nào, cần thực hiện nghiên cứu kỹ lưỡng về:

- Khả năng tương thích vật liệu.
- An toàn vận hành.
- Đảm bảo khu vực làm việc có hệ thống thông gió đầy đủ.
- Tuân thủ tất cả các quy định và pháp luật liên quan ở cấp quốc gia và địa phương.
- Mặc dù tài liệu này đã được chuẩn bị cẩn thận, không chịu trách nhiệm về bất kỳ thương tích hoặc thiệt hại nào phát sinh từ việc sử dụng thông tin này.

Ngày sửa đổi

- 01/04/2024

Tuyên bố từ chối trách nhiệm

- Thông tin được cung cấp được cho là chính xác tại thời điểm biên soạn.
- Người sử dụng phải tự xác định các biện pháp phù hợp để bảo vệ người lao động và môi trường dựa trên thông tin này.

Kết luận

- Tài liệu này là hướng dẫn tổng quát và không thay thế cho các yêu cầu pháp lý hoặc thực hành an toàn cụ thể. Để đảm bảo an toàn tối đa, cần tham khảo ý kiến chuyên gia nếu cần.